

Số: **28** /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày **01** tháng **4** năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số ~~741/QĐ-UBND~~ ngày ~~12~~ tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất gia công cơ khí, kết cấu thép công nghệ cao";

Xét Văn bản số ~~3158/STNMT-CCBVMT~~ ngày ~~27~~ tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và Xây lắp Tiến Thịnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường ~~110/CV-TT~~ ngày 02 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh kèm theo Văn bản số 12.03 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và Xây lắp Tiến Thịnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 145/TTr-STNMT ngày 20 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và Xây lắp Tiến Thịnh (địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 602, đường Lê Thánh Tông, khu đô thị 1, tổ dân phố số 3, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cho Dự án Đầu tư Nhà máy sản xuất gia công cơ khí, kết cấu thép công nghệ cao và cho thuê nhà xưởng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư Nhà máy sản xuất gia công cơ khí, kết cấu thép công nghệ cao và cho thuê nhà xưởng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 1000873373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/4/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/01/2022; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 278/QĐ-BQLKKT của Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp lần đầu ngày 25/4/2019, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 28/11/2023.

1.4. Mã số thuế: 1000873373.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất cấu kiện kim loại và cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 20.001,6 m².

- Quy mô: Tổng mức đầu tư khoảng 110.000.000.000 đồng (Quyết định số 278/QĐ-BQLKKT của Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, cấp lần đầu ngày 25/4/2019, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 28/11/2023).

- Công suất thiết kế: Sản xuất gia công cơ khí, kết cấu thép công nghệ cao 5.000 cấu kiện/năm tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng sản xuất công nghiệp diện tích xây dựng 2.750 m² (02 tầng, diện tích sàn 5.500 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và Xây lắp Tiến Thịnh:



1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và Xây lắp Tiến Thịnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Chỉ được cho đơn vị thuê lại nhà xưởng có tính chất ngành nghề phù hợp với tính chất Khu công nghiệp và quy định của tỉnh; yêu cầu và giám sát đơn vị thuê lại nhà xưởng thực hiện thủ tục hành chính về môi trường và thực hiện trách nhiệm thu gom, quản lý, xử lý chất thải phát sinh hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến hết ngày 31/12/2030.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /s

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý KKT & các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Thái Bình;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty Cổ phần PTĐT & XL Tiến Thịnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT ✓



Lại Văn Hoàn



Phụ lục 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải phát sinh của dự án được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sau đó đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh - Phân khu do Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín quản lý, không thải trực tiếp ra môi trường (Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 25/XLNT/ĐT-TBX-TT ngày 04/9/2023).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom bằng hệ thống ống UPVC đường kính 110 mm, dài 180; ống UPVC đường kính 140 mm, dài 90 m và ống UPVC đường kính 160 mm, dài 233 m dẫn về hố ga đầu nối của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh - Phân khu do Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín quản lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 05 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích hữu dụng mỗi bể 5 m³, bể gom nước thải kích thước (Dài × Rộng × Sâu) = (1,5 × 1,5 × 1,95) m.

- Tóm tắt quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom → Đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh - Phân khu do Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín quản lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Khánh - Phân khu do Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín quản lý, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải với đơn vị quản lý, kinh



doanh hạ tầng Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín.

3.2. Trường hợp nước thải vượt ngưỡng tiếp nhận của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Khánh - Phân khu do Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín quản lý phải khẩn trương có biện pháp khắc phục tránh để xảy ra tình trạng đóng cửa xả thải.

3.3. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải.

3.4. Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư và Xây lắp Tiến Thịnh chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP KHÍ THẢI.

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phun bi làm sạch bề mặt.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 03 dòng khí thải sau xử lý phát sinh từ 02 nguồn thải nêu trên, cụ thể:

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý từ hệ thống xử lý khí thải số 01 của máy phun bi làm sạch bề mặt, toạ độ: $X_m = 2262038.494$; $Y_m = 584852.595$
- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý từ hệ thống xử lý khí thải số 02 của máy phun bi làm sạch bề mặt, toạ độ: $X_m = 2262044.941$; $Y_m = 584869.822$
- Dòng khí thải số 03: Khí thải sau xử lý từ hệ thống xử lý khí thải phun sơn, toạ độ: $X_m = 2262077.909$; $Y_m = 584850.370$

(Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 11.000 m³/giờ tương đương 264.000 m³/ngày đêm.
- Dòng khí thải số 02: 11.000 m³/giờ tương đương 264.000 m³/ngày đêm.
- Dòng khí thải số 03: 18.000 m³/giờ tương đương 432.000 m³/ngày đêm.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn quy định, cụ thể như sau:

+ Đối với dòng số 01, số 02: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B giá trị C (áp dụng $K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$).

+ Đối với dòng số 3: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B giá trị C (áp dụng $K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$); QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ, tự động liên tục

<i>I</i>	<i>Dòng khí thải số 01, 02</i>		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180
<i>II</i>	<i>Dòng khí thải số 03</i>		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180
2	Benzen	mg/Nm ³	5
3	Toluen	mg/Nm ³	750
4	n-Butyl Axetat	mg/Nm ³	950
5	Etyl Axetat	mg/Nm ³	1.400
6	Xylen	mg/Nm ³	870

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ, quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh: Thu gom bằng hệ thống đường ống dẫn và các quạt hút công suất lớn dẫn về hệ thống xử lý khí thải của từng công đoạn phát sinh sau đó thải ra môi trường qua ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi công đoạn phun bi làm sạch bề mặt.

- Quy trình công nghệ: Bụi → Ống dẫn bụi số 01, 02 → Thiết bị lọc bụi túi vải số 01, 02 → Quạt hút số 01, 02 → Cửa thoát khí số 01, 02.

- Máy móc, thiết bị xử lý: Ống dẫn bụi, thiết bị lọc bụi túi vải, quạt hút công suất 11.000 m³/giờ/quạt, cửa thoát khí.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải công đoạn phun sơn.

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Buồng lọc thô sử dụng tấm lọc G4 → Ống dẫn khí → Quạt hút → Buồng than hoạt tính → Ống thoát khí.

- Máy móc, thiết bị xử lý: Buồng lọc thô sử dụng tấm lọc G4, ống dẫn khí, quạt hút công suất 18.000 m³/giờ, buồng than hoạt tính, ống thoát khí.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị xử lý khí thải.

- Xây dựng đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Mua sắm dự phòng các thiết bị dễ hư hỏng để kịp thời thay thế.

- Ngừng hoạt động sản xuất đối với dây chuyền có hệ thống xử lý khí thải



Phụ lục 03
BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn phát sinh, gồm:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực nhà xưởng số 2A;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực nhà xưởng số 2B.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nhà xưởng ứng với nguồn số 01 được giới hạn bởi tọa độ:
 - + Điểm góc phía Tây Nam: $X_m = 2261997.474$; $Y_m = 584851.349$;
 - + Điểm góc phía Tây Bắc: $X_m = 2262018.998$; $Y_m = 584850.203$;
 - + Điểm góc phía Đông Bắc: $X_m = 2262038.162$; $Y_m = 584967.492$;
 - + Điểm góc phía Đông Nam: $X_m = 2262008.535$; $Y_m = 584972.174$.
- Nhà xưởng ứng với nguồn số 02 được giới hạn bởi tọa độ:
 - + Điểm góc phía Tây Nam: $X_m = 2262023.212$; $Y_m = 584849.406$;
 - + Điểm góc phía Tây Bắc: $X_m = 2262049.622$; $Y_m = 584846.476$;
 - + Điểm góc phía Đông Bắc: $X_m = 2262050.812$; $Y_m = 584918.130$;
 - + Điểm góc phía Đông Nam: $X_m = 2262030.256$; $Y_m = 584921.302$.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các thiết bị giảm âm, trần giảm âm theo đúng biện pháp kỹ thuật để giảm ồn; đặc biệt với các thiết bị gây ồn lớn được lắp đặt chân đế, bệ máy và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị, phương tiện.

- Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý, thiết kế nhà xưởng thông thoáng giảm thiểu tiếng ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 28 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm
 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Nguồn gốc phát sinh	Khối lượng (kg/năm)
1	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Từ dây hàn, thuốc hàn trong quá trình hàn	822
2	Cặn sơn thải	Chất thải từ quá trình sơn	2.880
3	Dầu thải	Bảo dưỡng máy móc, thiết bị	100
4	Giẻ lau dính dầu, găng tay dính dầu	Vệ sinh máy móc, thiết bị	40
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Từ quá trình sơn và vệ sinh máy móc	387
6	Than hoạt tính	Từ quá trình xử lý khí thải sơn	300
Tổng khối lượng			4.529

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Số lượng phát sinh (tấn/năm)
	Bụi thép, mảnh thép vụn, cặn thép	526

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	28,08
2	Bùn từ bể tự hoại 3 ngăn	19,06
Tổng khối lượng		47,14

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng chứa có dung tích 200 lít.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 58 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nấng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ, có thiết bị bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo...

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu lưu giữ: Diện tích 72 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, mái tôn, kết cấu nền cứng bằng bê tông cốt thép, có cửa ra vào, cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa chuyên dụng.

- Khu lưu giữ: Diện tích 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, mái tôn, kết cấu nền cứng bằng bê tông cốt thép, có cửa ra vào, cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

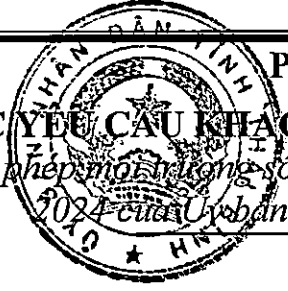
1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật



Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

THÁI

**Phụ lục 05****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **28** /GPMT-UBND ngày **01** tháng **4** năm **2024** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.
3. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.